SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK **TRUNG TÂM Y TẾ M'DRẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 376 /QĐ-TTYT	*M'Drắk, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ M'DRẮK

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nghị định Số: 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT, ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2026/TT-BYTngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ quyết định số: 0146/QĐ-TTYT ngày 15/05/2026 của Giám đốc TTYT M'Drắk Về việc phương án thu, chi từ nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-TTYT ngày 28/10/2026 của Trung tâm y tế M'Drắk Về việc phê duyệt danh mục, số lượng và giá kế hoạch mua sắm gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế năm 2026; Gói thầu: Mua sắm bổ sung hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026; Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk;

Được quét bằng CamScanner

Theo đề nghị của Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế tại tờ trình số: 75/TTr-KD ngày 02/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk và các tài liệu kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế và các khoa, phòng bộ phân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu KD, HST.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ M'DRẮK

Lê Thị Thủy

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ, HOÁ CHẤT, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO M'NĂM 2026 CỦA TRUNG TÂM Y TẾ M'DRẮK

(Kèm theo Quyết định số 376 /QĐ-TTYT ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm y tế M'Drắk)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu			Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm y tế M'Drắk	Mua sắm bổ sung vật tư y tế năm 2026	**Gói thầu Mua sắm bổ sung vật tư y tế năm 2026 gồm 8 phần (lô) (Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm)**		**491.524.182**	Nguồn tài chính hợp pháp Nguồn thu DVSNC sử dụng NSNN (thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh) năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		45 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	05 tháng	không áp dụng
			phần 1	Bông, băng, cồn gạc (09 mặt hàng)	108.626.500								
			phần 2	Bơm kim tiêm; dây truyền dịch; kim chọc dò, kim luồn (06 mặt hàng)	153.380.000								
			phần 3	kim châm cứu; kim đầy chỉ (02 mặt hàng)	8.560.000								
			phần 4	Chỉ phẫu thuật (07 mặt hàng)	86.350.320								
			phần 5	Vật tư ngoại khoa (05 mặt hàng)	31.925.000								
			phần 6	Vật tư cận lâm sàng (05 mặt hàng)	44.616.680								
			phần 7	Găng tay (02 mặt hàng)	47.700.000								
			phần 8	Vật tư phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn (04 mặt hàng)	10.365.682								

Được quét bằng CamScanner

2	Trung tâm y tế M'Drắk	Mua sắm bổ sung hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026	**Gói thầu Mua sắm bổ sung hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro năm 2026 gồm 6 phần (lô) (Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm)**		**1.157.602.890**	Nguồn tài chính hợp pháp Nguồn thu DVSNC sử dụng NSNN (thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh) năm 2026-2027	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		45 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	05 tháng	không áp dụng
			Phần 1	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học abacus 380 (03 mặt hàng)	124.600.000								
			Phần 2	Hóa chất sử dụng cho máy phân tích huyết học ABX micros 60 (03 mặt hàng)	156.530.000								
			Phần 3	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá (22 mặt hàng)	498.214.390								
			Phần 4	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360 (14 mặt hàng)	175.308.500								
			Phần 5	Sinh phẩm chẩn đoán in vitro (04 mặt hàng)	184.200.000								
			Phần 6	Test thử đường huyết mao mạch (01 mặt hàng)	18.750.000								
Tổng giá gói thầu					**1.649.127.072 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi hai đồng).**								

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC DANH MỤC
GÓI THẦU: MUA SẮM BỔ SUNG VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2026
(Kèm quyết định số: 376/QĐ-TTYT ngày 04/11/2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk)

STT	Danh mục hàng hóa	Nhãn hiệu	Ký mã hiệu	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá KH	Thành tiền
PHẦN 1 : BÔNG, BĂNG, CỒN GẠC										**108.626.500**
1	Băng dính cá nhân y tế	Băng dính cá nhân y tế UGOTANA, kích thước 19mm x 72mm	BD.19.UGT	Việt Nam	Tanaphar	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Hộp	50	26.000	1.300.000
2	Băng keo lụa y tế	Durapore 1,25cm x 9,1m	1538-0	Đức	Solventum Germany GmbH, Đức	- Nền vải lụa acetate taffeta mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Keo Acrylate 30-50% (không chứa mủ cao su), độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều. Lõi giấy - Chống thấm nước. - Kích thước: 1.25cm x 9.1m	Cuộn	1.000	26.000	26.000.000
3	Băng bột bó 4in	Băng bột bó 10 cm x 4.5 m	GT092-100	Trung Quốc	Ningbo Greetmed	Làm bằng thạch cao, có lót vải, Kích cỡ: 10 cm x 4.5 m	Cuộn	240	13.125	3.150.000
4	Băng thun y tế 3 móc	Băng thun 10cm x 4.5m	BTH10WK001	Việt Nam	Danameco	Dệt từ sợi Polyester và sợi cao su thiên nhiên 3 móc 0,1m x 4,5m; (chưa kéo giãn)	Cuộn	500	16.000	8.000.000
5	Bông y tế không thấm nước (Bông mỡ vàng)	Bông y tế không thấm nước (Bông mỡ vàng)	01900	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	Nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ Đóng gói: 1 kg/ cuộn/gói	Kg	24	161.500	3.876.000
6	Bông y tế thấm nước	Bông y tế hút nước y tế Kotton Care	10032	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	- Bông xơ tự nhiên (thành phần chính là Cellulose), hút nước, đã loại mỡ, làm tơi - Bông được tẩy bằng công nghệ Hydrogen Peroxide thân thiện với môi trường Đóng gói: 1 kg/ cuộn/gói	Kg	70	169.050	11.833.500

Được quét bằng CamScanner

7	Gạc phẫu thuật y tế vô trùng	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp tiệt trùng	GPT	Việt Nam	Damedco	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước , Quy cách: 10cm x 10cm x 12 lớp Loại: tiệt trùng (bằng khí EO)	Miếng	10.000	615	6.150.000
8	Gạc y tế (Gạc mét)	Gạc hút y tế khổ 0,8m	GH2	Việt Nam	An Lành	Nguyên liệu sợi cotton 100%, hút nước. Khổ 0,8m	Mét	7.000	4.631	32.417.000
9	Cồn y tế 90 độ	Cồn 90°	VIETRUE	Việt Nam	Phú Toàn Quảng Nam	Cồn 90 độ, trong suốt, không màu	Lít	300	53.000	15.900.000
PHẦN 2: BƠM KIM TIÊM; DÂY TRUYỀN DỊCH; KIM CHỌC DÒ, KIM LUỒN										**153.380.000**
1	Bộ dây truyền dịch (Kim 2 cánh bướm các cỡ)	Bộ dây truyền dịch MPV sử dụng một lần kim cánh bướm	DTD01: MPV	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	Kim chai làm bằng nhựa ABS nguyên sinh, van thoát khí có thiết kế màng lọc vô khuẩn. Khóa điều chỉnh làm bằng nhựa PP nguyên sinh, có thiết kế lỗ kẹp dây đảm bảo an toàn khi sử dụng Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8,5ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh; Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Bộ	7.000	5.540	38.780.000

Được quét bằng CamScanner

2	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	BTK10: ECO	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	15.000	1.050	15.750.000
3	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 3ml	BTK3: ECO	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	20.000	714	14.280.000

Được quét bằng CamScanner

4	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	BTK5: ECO	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	15.000	750	11.250.000
5	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Kim luồn tĩnh mạch có cửa có cánh (24G)	Deltaven 2	Ý	Delta Med S.p.A	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP. Có 3 vạch cản quang ở trong lòng catheter. Đầu kim hình nón cắt vát 3 lần. Có khả năng lưu kim được đến 96h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Tấm vi lọc xốp kị nước có thể tháo rời ở chuôi kim. Các cỡ với màu khác nhau: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng. Đạt tiêu chuẩn MDSAP ISO 13485, EU (MDR).	Cái	4.000	18.000	72.000.000

Được quét bằng CamScanner

6	Kim chọc dò, gây tê tủy sống SPINOCAN G20	SPINOCAN 20GX3 1/2" (88MM)-AP/SA	4509900-10	Nhật	B. Braun Aesculap Japan Co. Ltd.	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ 18 - 27. Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2", sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang trong chuôi kim giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	48	27.500	1.320.000
PHẦN 3: KIM CHÂM CỨU; KIM ĐẦY CHỈ										**8.560.000**
1	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần	không có	Trung Quốc	Suzhou Tianxie Acupuncture Instruments Co., Ltd	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt Các sô	Cây	20.000	368	7.360.000
2	Kim đầy chỉ	Kim châm cứu các loại, các cỡ (Kim đầy chỉ 0.3x33mm)	Sterile Acupuncture needles	Trung Quốc	Wujiang Jiachen Acupunture Devices Co., Ltd.	0.3x33mm; Thép không gỉ cao cấp; Phủ silicon; tiệt trùng bằng khí EO	Cây	2.000	600	1.200.000
PHẦN 4: CHỈ PHẪU THUẬT										**86.350.320**
1	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 2/0	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, S30E26	S30E26	Việt Nam	CPT	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	tép	480	19.500	9.360.000
2	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S30A26	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, S30A26	S30A26	Việt Nam	Công Ty TNHH Chỉ Phẫu Thuật CPT	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi	480	17.850	8.568.000
3	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 3/0	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm, S20E26	S20E26	Việt Nam	CPT	Chỉ không tan tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	480	15.034,00	7.216.320

Được quét bằng CamScanner

4	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 5/0	Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm, S10E16	S10E16	Việt Nam	CPT	Chỉ không tan tự nhiên số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	120	24.150	2.898.000
5	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, C50A40	C50A40	Việt Nam	CPT	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	480	28.350	13.608.000
6	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 2/0 (Kim tròn)	Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, C30A26	C30A26	Việt Nam	CPT	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	480	24.500	11.760.000
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 số 2/0	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 2/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C; W9121	W9121	Đức	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75 cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	Tép	360	91.500	32.940.000
PHẦN 5: VẬT TƯ NGOẠI KHOA										**31.925.000**
1	Đai cố định xương đòn các số	Đai xương đòn	GIAHU - 004	Việt Nam	Gia Hưng Vi Na	Vải, mút xốp. Khoá Velcro. Neo ép, cố định xương đòn	Cái	50	35.000	1.750.000

Được quét bằng CamScanner

2	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng các loại, các cỡ	OPTILENE MESH 5 x 10 CM	1065020	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical, S.A.	Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) 5 x10cm , kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.55mm., lực căng kéo dọc: 70N/cm, lực căng kéo ngang trung bình 65N/cm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Miếng	10	1.330.000	13.300.000
3	Băng keo cuộn co giãn 6cm x 4.5m	Urgocrepe 6cm x 4.5m	Urgocrepe	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230cm ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m2, , lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g theo ISO 11737-1 - Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước : 6cm x 4.5m	Cuộn	50	111.300	5.565.000

Được quét bằng CamScanner

4	Băng keo cuộn co giãn 8cm x 4.5m	Urgocrepe 8cm x 4.5m	Urgocrepe	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd	-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc ≥ 90%, chiều dài khi chưa kéo giãn 230cm ± 20cm, khi kéo giãn 448.5cm ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m2, , lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤10 cfu/g theo ISO 11737-1 - Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước : 8cm x 4.5m	Cuộn	50	168.000	8.400.000
5	Bao tóc tiệt trùng	Mũ phẫu thuật tiệt trùng	MPT2	Việt Nam	An Lành	Làm bằng Vải không dệt 100% Olefin * Từ sợi Filament nhân tạo (đã nhuộm) * Không thấm nước, thoáng khí. Tiệt trùng	Cái	3.000	970	2.910.000
PHẦN 6: VẬT TƯ CẬN LÂM SÀNG										**44.616.680**
1	Gel siêu âm	Gel siêu âm	GSA-3006	Việt Nam	Merufa	Gel sử dụng trong siêu âm; Can/ Hộp 5kg.	Hộp	30	119.000	3.570.000
2	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm x 200	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm x 200 (sọc đỏ (sọc đỏ, square mark))	110mmx140 mmx200	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd.	Giấy điện tim 6 cần Kích thước:110mmx140mmx200	XẤP	500	31.500	15.750.000
3	Lam kính đầu mờ (Lam nhám)	Lam kính xét nghiệm (7105)	GT201-7105-3	Trung Quốc	Ningbo Greetmed	Độ dày 1.0mm đến 1.2mm; kích thước 25.4 x 76.2mm, chất liệu kính. Loại nhám	Hộp	10	24.668	246.680
4	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đỏ, có nhãn	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đỏ, có nhãn	LON_355M NON3P3N1	Việt Nam	Hồng Thiện Mỹ	* Lọ nhựa PS nguyên sinh, trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml. * Kích thước: Chiều cao 60 mm, đường kính 36 mm.	Lọ	3.000	1.350	4.050.000

Được quét bằng CamScanner

5	Ống nghiệm có chất chống đông (EDTA)	Ống nghiệm EDTA	1OEDT02AP	Việt Nam	Sức Khoẻ An Phát	`*Ống nghiệm nhựa PP, nguyên sinh, có độ nhẵn và trơn láng cao chống sự bám dính mẫu, kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), chỉ có một vạch chỉ thể tích 2ml trên nhãn ống.	ống	30.000	700	21.000.000
PHẦN 7: GĂNG TAY										**47.700.000**
1	Găng khám bệnh (Găng kiểm tra dùng trong y tế)	Găng tay khám Latex có bột hiệu I-MED	I-MED	Việt Nam	I-MED	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiệt trùng, thuận cả 2 tay. Có nhiều cỡ.	Đôi	30.000	1.350	40.500.000
2	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Găng tay phẫu thuật có bột tiệt trùng hiệu GPT	GPTGLOVES	Việt Nam	I-MED	Sản suất từ cao su thiên nhiên, tiệt trùng. Các số (6,5; 7; 7,5)	Đôi	2.000	3.600	7.200.000
PHẦN 8: VẬT TƯ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN										**10.365.682**
1	Hộp đựng bơm kim tiêm hủy	Hộp an toàn	NM92	Việt Nam	Nhật Minh	Chất liệu: Carton 2 mặt phủ màng PE, dung tích 5 lít	Cái	200	13.716	2.743.200
2	Giấy thử (Chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế	Giấy thử (Chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế	1243A	Mỹ	3M Company	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước. Thành phần: Giấy 75%, Aluminum 8%, polypropylene 4%; - Kích thước: 5.1 x 1.9cm.	Miếng	1.000	4.200	4.200.000
3	Túi ép tiệt trùng dạng cuộn KT 15cm x 200m	Cuộn túi dẹt 150mm*200m	MSWFP150200	Trung QUốc	Henan Meishawa Technology	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy 60 g/m2, màng film hai lớp: PET dày 12 µm và CPP dày 40 µm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO và Formaldehyde. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm.	Cuộn	5	365.000	1.825.000

Được quét bằng CamScanner

4	Túi ép tiệt trùng dạng cuộn KT 20cm x 200m	Cuộn túi dẹt 200mm*200m	MSWFP200200	Trung QUốc	Henan Meishawa Technology	Có >= 3 đường hàn nhiệt chắc chắn, đảm bảo chất lượng bao bì trong quá trình sử dụng. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy có mật độ giấy 60 g/m2, màng film hai lớp: PET dày 12 µm và CPP dày 40 µm. Phù hợp cho tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO và Formaldehyde. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485. Lực vết dán đo theo ASTM F88 >4.5 N/15mm.	Cuộn	3	532.494	1.597.482
Tổng cộng										**491.524.182**

Được quét bằng CamScanner

PHỤ LỤC DANH MỤC
GÓI THẦU: MUA SẮM BỔ SUNG HÓA CHẤT, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO NĂM 2026

(Kèm quyết định số: 376/QĐ-TTYT ngày 04/11/2026 của Trung tâm Y tế M'Drắk)

DANH MỤC MUA SẮM										
STT	**Danh mục hàng hóa**	**Ký mã hiệu**	**Nhãn hiệu**	**Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)**	**Hãng sản xuất**	**Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản**	**Đơn vị tính**	**SỐ LƯỢNG**	**Đơn giá KH**	**Thành tiền KH**
PHẦN 1: HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC ABACUS 380										**124.600.000**
1	Dung dịch rửa máy thường quy cho máy xét nghiệm huyết học sử dụng được cho máy phân tích huyết học Abacus 380	D5011	Diatro Cleaner	Hungary	Diatron MI Zrt	Dung dịch rửa sử dụng cho máy huyết học; Thành phần thuốc thử: - Detergents < 1.0 %- Buffers < 1.0 %- Preservative < 0.5 %- Stabilizers < 0.5 %- trong nước không có ion Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485: 2016. Chai 1 lít	Hộp	15.0	1.680.000	25.200.000
2	Dung dịch pha loãng sử dụng được cho máy phân tích huyết học Abacus 380	D1012	Diatro Dil Diff	Hungary	Diatron MI Zrt	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy huyết học; Thành phần thuốc thử: - Sodium chloride < 1.5 % - Buffers < 1.0 % - Preservative < 0.5 % - Stabilizers < 0.5 % - Trong nước không có ion Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2016 Thùng 20 lít	Hộp	25.0	1.960.000	49.000.000
3	Dung dịch ly giải có khóa (Diatro Lyse Diff with Hardware key hoặc tương đương) sử dụng được cho máy phân tích huyết học Abacus 380	D2011HK	Diatro Lyse Diff with Hardware Key	Hungary	Diatron MI Zrt	Dung dịch ly giải sử dụng cho máy huyết học; Thành phần thuốc thử: - Surfactants < 3.5 % - Buffers < 1.0 % - Preservative < 0.5 % - Stabilizers < 0.5 % - Trong nước không có ion Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2016 Chai 1 lít	Hộp	18.0	2.800.000	50.400.000
PHẦN 2: HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC ABX MICROS 60										**156.530.000**

Được quét bằng CamScanner

1	Dung dịch thủy phân protein làm sạch máy phân tích huyết học sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX Micros 60	0403010	ABX MINICLEAN 1L	Pháp	Horiba	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% Hộp: 1 lit	Hộp	17,0	1.465.000	24.905.000
2	Dung dịch pha loãng mẫu sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX Micros 60	0802010	ABX MINIDIL LMG 10L	Pháp	Horiba	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% Hộp: 10 lit	Hộp	25,0	3.315.000	82.875.000
3	Dung dịch ly giải sử dụng được cho máy phân tích huyết học ABX Micros 60	0702010	ABX MINILYSE LMG 1L	Pháp	Horiba	- Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% Hộp: 1 lit	Hộp	15,0	3.250.000	48.750.000
PHẦN3: HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ										**498.214.390**
1	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S108	Alanine aminotransferase (ALT)	Anh	Glenbio	Định lượng nồng độ ALT. -Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.3 125.0 mmol/l L-Alanine 625.0 mmol/l, LDH 1500 U/l R2: Ketoglutarate 94 mmol/l; NADH 0.23 mmol/l Hộp: 495ml	Hộp	10,0	4.999.890	49.998.900
2	Thuốc thử xét nghiệm Albumin dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S307	Albumin BCG	Anh	Glenbio	Định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: Citrate Buffer pH 4.1 95 mmol/l R2: Citrate Buffer pH 4.1 95 mmol/l Bromocresol Green 1.41 mmol/l Hộp 480ml	Hộp	2,0	3.100.000	6.200.000
3	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol dùng cho máy phân tích sinh hóa	GLM1907	Alcohol	Anh	Glenbio	Thành phần : R1:Tris-based buffer; sodium azide; R2: Alcohol dehydrogenase (ADH) Nicotinamide Adenine dinucleotide Sodium azide Hộp: 110ml	Hộp	1,0	10.101.000	10.101.000
4	Thuốc thử xét nghiệm Alpha-amylase dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S113	Amylase IFCC	Anh	Glenbio	Định lượng Amylase trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: Hepes buffer pH 7.25 52 mmol/l Sodium Chloride 87 mmol/l Magnesium Chloride 12.6 mmol/l Calcium Chloride 0.075 mmol/l Glucosidase 4000 U/l R2: Hepes Buffer pH 7.15 52 mmol/l 4,6-Ethylidene-G7-PNP 22 mmol/l Hộp 492 ml	Hộp	1,0	15.500.000	15.500.000
5	Thuốc thử xét nghiệm GOT/ASAT dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S107	Aspartate aminotransferase (AST)	Anh	Glenbio	Định lượng men AST. - Thành phần: L-Aspartate 300 mmol/l, MDH ≥530 U/l, α-Ketoglutarate 75 mmol/l, TRIS Buffer pH 7.8 100 mmol/l Hộp: 495ml	Hộp	10,0	4.999.890	49.998.900

Được quét bằng CamScanner

6	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp dùng cho máy phân tích sinh hóa	GLM2035	Bilirubin Direct Vanadate	Anh	Glenbio	Định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh Thành phần: R1: Citrate Buffer pH 2.8 100 mmol/l R2: Phosphate Buffer pH 7.0 4.6 mmol/l Vanadate 4.0 mmol/l Dải đo: 0.28µmol/L - 350 µmol/L. đạt tiêu chuẩn ISO13485 Hộp: 310ml	Hộp	4,0	2.800.000	11.200.000
7	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần dùng cho máy phân tích sinh hóa	GLM265	Bilirubin Total Vanadate	Anh	Glenbio	Định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh Thành phần: R1: Citrate Buffer pH 2.8 90 mmol/l R2: Phosphate Buffer pH 7.0 4.6 mmol/l Vanadate 3.0 mmol/l đạt tiêu chuẩn ISO13485 Hộp: 310ml	Hộp	4,0	2.800.000	11.200.000
8	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S406	CK-MB	Anh	Glenbio	Định lượng CK MB Thành phần: Glucose 20 mmol/l, Magnesium Acetate 10 mmol/l, ADP 2.0 mmol/l, CK-M Inhibiting Antibody 8000 U/l. Hộp: 155,2ml	Hộp	1,0	7.499.940	7.499.940
9	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL965	CKMB Calibrator	Anh	Glenbio	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB Hộp: 20ml	Hộp	1,0	6.849.990	6.849.990
10	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CK-MB dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL905	CKMB Control	Anh	Glenbio	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CK-MB Hộp: 20ml	Hộp	1,0	7.199.850	7.199.850
11	Thuốc thử xét nghiệm CK-NAC dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S109	CK-NAC	Anh	Glenbio	Định lượng CK NAC trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: Imidazole Buffer pH 6.7 100 mmol/l Glucose 20 mmol/l Magnesium Acetate 10 mmol/l EDTA 2.0 mmol/l ADP 2.0 mmol/l AMP 5.0 mmol/l NADP 2.0 mmol/l HK > 2.5 U/ml N-acetylcysteine 20 mmol/l R2: Creatine Phosphate 30 mmol/l G6P-DH > 1.5 U/ml Diadenosine pentaphosphate 10 µmol/l Hộp: 300ml	Hộp	3,0	4.800.000	14.400.000
12	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin dùng cho máy phân tích sinh hóa	GLAU216	Creatinine Enzymatic	Anh	Glenbio	Định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu -Thành phần: Sarcosine oxidase 5 KU/ml Catalase 3 KU/ml TOPS 0.5 mmol/l Creatinase 10 KU/ml Hộp: 735ml	Hộp	10,0	7.429.800	74.298.000
13	Thuốc thử xét nghiệm CRPdùng cho máy phân tích sinh hóa	GLAU3042	C-reactive protein (CRP)	Anh	Glenbio	R1:TRIS Buffer pH 7.6 containing PEG 18.2 mmol/l Sodium Chloride 123.2 mmol/l PRESERVATIVES R2: Anti (Human) CRP TRIS Buffer pH 7.6 18.2 mmol/l NaCl 123.2 mmol/l Hộp: 194ml	Hộp	1,0	11.000.000	11.000.000

Được quét bằng CamScanner

14	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S105	Cholesterol	Anh	Glenbio	Định lượng cholesterol trong máu. Thành phần: PIPES Buffer pH 6.9 40 mmol/l, Mg2+ 2 mmol/l, Phenol 2 mmol/l, Peroxidase ≥100 U/l, Cholesterol Esterase ≥250 U/l, 4-Amino-Antipyrine (4-AA) 0.05 mmol/. Hộp: 780ml	Hộp	5,0	5.100.000	25.500.000
15	Thuốc thử xét nghiệm GGT dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S204	Gamma GT	Anh	Glenbio	Định lượng Gamma trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 8.25 100 mmol/l Glycylglycine 100 mmol/l R2: Carboxynitroanilide 2.9 mmol/l Hộp: 492ml	Hộp	2,0	3.599.820	7.199.640
16	Thuốc thử xét nghiệm Glucose dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S218	Glucose PAP	Anh	Glenbio	Định lượng Glucose trong máu -Thành phần: PHOSPHATE Buffer pH 7.5 100 mmol/l, 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l, Phenol 1 mmol/l, Peroxidase > 1000 U/l ,Glucose Oxidase ≥ 20000 U/l Hộp: 798ml	Hộp	10,0	5.100.000	51.000.000
17	Thuốc thử xét nghiệm HDL Cholesterol dùng cho máy phân tích sinh hóa	GLM602	HDL Cholesterol Direct	Anh	Glenbio	Thành phần :R1: TODB - 1mmol/l Ascorbate Oxidase - 3 U/ml PVS - 2mg/l PEGME - 0.2% MgCl2 - 2mmol/l Buffer (PH 6.5) - 10mmol/l R2: Cholesterol esterease - 4U/ml cholesterol Oxidase - 10U/ml Peroxidase - 30U/ml 4-aminoantipyrine - 2.5mmol/l Detergent - 0.5% Buffer(pH 6.5) - 10mmol/L Hộp: 401ml	Hộp	3,0	11.000.000	33.000.000
18	Dung dịch rửa ngoài máy sinh hóa	GL8S230	Hitergent	Anh	Glenbio	Nước rửa ngoài máy sinh hóa Hộp: 700ml	Hộp	2,0	2.500.000	5.000.000
19	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S306	Total Protein	Anh	Glenbio	Thành phần :R1: Potassium Sodium Tartrate - 63.78 mmol/l; Potassium Iodide: 60.24 mmol/l; NaOH: 1.2 mol/l; DETERGENT. R2: Potassium Sodium Tartrate: 51.02 mmol/l; Potassium Iodide: 60.24 mmol/l; Cupric Sulfat - 36,05 mmol/L NaOH: 200 mmol/l; Hộp: 786ml	Hộp	2,0	3.885.000	7.770.000
20	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S104	Triglycerides	Anh	Glenbio	Thành phần :R1: PIPES Buffer pH 7.0 - 43.6 mmol/l; 4 Chlorophenol - 5.45 mmol/l; LPL - ≥1500 U/l; POD - ≥500 U/l; Glycero-3-phos.Oxidase - ≥3000 U/l; Glycerokinase - ≥500 U/l; 4-Amino-Antipyrine - 0.3 mmol/l; ATP - 1.65 mmol/l; Mg2+ - 4.66 mmol/l; Quy cách: Hộp: 780ml	Hộp	5,0	7.699.860	38.499.300
21	Thuốc thử xét nghiệm Ure cho máy phân tích sinh hóa	GL8S101	Urea	Anh	Glenbio	Định lượng Urea trong máu Thành phần: TRIS Buffer pH 7.5 224.53 mmol/l, α KG 15.47 mmol/l, ADP 0.94 mmol/l. Hộp: 654ml	Hộp	10,0	4.999.890	49.998.900

Được quét bằng CamScanner

22	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric dùng cho máy phân tích sinh hóa	GL8S176	Uric Acid	Anh	Glenbio	Định lượng Aric Acid trong máu Thành phần: Phosphate Buffer pH 7.5 150 mmol/l, Ascorbate Oxidase 5000 U/l, Potassium Ferocyanide 0.024 mmol/l, 4 – Aminophenazone 3.84 mmol/l. Hộp: 492ml	Hộp	1,0	4.799.970	4.799.970
PHẦN 4: HÓA CHẤT SỬ DỤNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH AIA 360										**175.308.500**
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein. (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025252	ST AIA-PACK AFP	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần 5 khay x 20 test cup: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô được phủ kháng thể đơn dòng anti-AFP của chuột và 100 µL kháng thể đơn dòng anti-AFP của chuột (với AFP của người), được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	2,0	5.439.000	10.878.000
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 125.(sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025288	ST AIA-PACK CA125	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần 5 khay và 20 cốc thử: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô được phủ kháng thể đơn dòng anti-CA 125 của chuột và 50 µL kháng thể đơn dòng anti-CA 125 của chuột (với CA 125 của người), được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp	2,0	9.650.000	19.300.000
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 15-3. (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025201	ST AIA-PACK CA15-3	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần 5 khay và 20 cốc thử: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô được phủ kháng thể đơn dòng chống CA 15-3 và 100 µL kháng thể đơn dòng kháng CA 15-3 (đối với CA 15-3 của người), được liên hợp với phosphatase kiềm, chất bảo quản natri azide	Hộp	2,0	9.750.000	19.500.000
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư CEA (carcinoembryonic). (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025254	ST AIA-PACK CEA	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần: 5 khay x 20 test cup: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô được phủ kháng thể đơn dòng anti-CEA của chuột và 50 µL kháng thể đơn dòng anti-CEA của chuột (với CEA của người), được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	2,0	5.720.000	11.440.000
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025253	ST AIA-PACK FER	Nhật Bản	Tosoh	5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin, được tổng hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	2,0	5.439.000	10.878.000

Được quét bằng CamScanner

6	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FERITIN (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0020353	AIA-PACK FER CALIBRATOR SET	Nhật Bản	Tosoh	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FERITIN với 2 nồng độ chuẩn: 0 ng/mL; 500 ng/mL. Hộp 1ml x 4	Hộp	1,0	2.205.000	2.205.000
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng iFT3 (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025231	ST AIA-PACK IFT3	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần: 5 khay x 20 cốc thử: cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô và kháng thể đơn dòng kháng T3 của thỏ và 50 µL T3 được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	3,0	5.150.000	15.450.000
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4 (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025268	ST AIA-PACK FT4	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần: 5 khay x 20 cốc thử: cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô và kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 µL thyrozine (T4) được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	3,0	4.950.000	14.850.000
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH (3rd Generation) (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025294	ST AIA-PACK TSH	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần: 5 vỉ x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, được phủ kháng thể đơn dòng anti-TSH của chuột và 125 µL kháng thể đơn dòng anti-TSH của chuột (với TSH ở người) được liên hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	3,0	4.950.000	14.850.000
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng cTnI thế hệ thứ 3 (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025215	ST AIA-PACK cTnI 3RD-GEN	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần 5 khay và 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide	Hộp	2,0	9.382.000	18.764.000
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA II (sử dụng được cho Máy xét nghiệm miễn dịch AIA 360)	0025212	ST AIA-PACK PSA II	Nhật Bản	Tosoh	Thành phần: 5 khay x 20 test cup: Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA và 100 µL kháng thể đơn dòng của chuột kháng PSA được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp	2,0	8.600.000	17.200.000

Được quét bằng CamScanner

12	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên kháng virus viêm gan B bề mặt	0025210	ST AIA-PACK HBSAG	Nhật Bản	Tosoh	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng nguyên kháng virus viêm gan B bề mặt 5 khay x 20 test cup Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng HBs và kết hợp với kháng thể đơn dòng kháng HBs được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp	3,0	3.815.000	11.445.000
13	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm HBsAg	0020310	ST AIA-PACK HBSAG CALIBRATOR	Nhật Bản	Tosoh	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg; Số điểm hiệu chuẩn: 2 điểm; Huyết thanh người có chứa nồng độ xác định được của HbsAg với chất bảo quản sodium azide (đông khô).	Hộp	1,5	3.339.000	5.008.500
14	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm HBsAg	0020510	ST AIA-PACK HBSAG SAMPLE DILUTING SOLUTION	Nhật Bản	Tosoh	Hóa chất pha loãng mẫu cho xét nghiệm HBsAg 4mLx4	Hộp	1,0	3.540.000	3.540.000
PHẦN 5: SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO										**184.200.000**
1	Khay thử/ test thử Xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1 của virus Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương,Máu toàn phần	R0063C	Onsite Dengue Ag Rapid Test	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99.6%,Độ chính xác tương quan: 99.7%	Test	3.000,0	56.500	169.500.000
2	Khay thử/ test thử Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh,Huyết tương, Máu toàn phần	R0061C	Onsite Dengue IgG/IgM Combo Rapid Test	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút Dengue (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9%	Test	100,0	34.000	3.400.000
3	Khay thử/ test thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	R0090C	Onsite HAV IgM Rapid Test	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HAV - Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 90,6% , Độ đặc hiệu tương quan: 97,6%	Test	60,0	30.000	1.800.000

Được quét bằng CamScanner

4	Khay thử/ test thử Xét nghiệm Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2	R0011C	OnSite HIV 1/2 Ab Plus Combo Rapid Test	Trung Quốc	Beijing Genesee Biotech, Inc	Định tính phát hiện đồng thời kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 (gồm tuýp phụ O) và HIV-2 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người -Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: >99.9% Độ chính xác tương quan: 100%	Test	500,0	19.000	9.500.000
PHẦN 6: TEST THỬ ĐƯỜNG HUYẾT MAO MẠCH										**18.750.000**
1	Test thử đường huyết mao mạch (Sử dụng cho máy Gluneolite)	INFS001L	GluNEO Lite Blood Glucose Test Strips	Hàn Quốc	OSANG Healthcare Co	- Nguyên lý đo lường: Điện hóa học GDH-FAD - Sử dụng mẫu máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch. - Mẫu thử: Glucose - Phạm vi đo lường: 1.1 -33.3 mmol/L (20-600mg/dL). - Thời gian đo: 5 giây. - Thể tích mẫu: 0.5 µL. - Độ ẩm hoạt động: 10 - 90% - Phạm vi Hematocrit: 20-60% - Hiệu chuẩn tương đương Plasma.	Test	2.500,0	7.500	18.750.000
TỔNG CỘNG										**1.157.602.890**

Được quét bằng CamScanner